

Số: 279/2020/QĐST-HNGĐ

T H, ngày 26 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, THÀNH PHỐ H N**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2020.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 274/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Trần M A, sinh năm 1995;**

- **A Trần Q Đ, sinh năm 1995;**

Cùng hộ khẩu thường trú: Khu 6, phường ThA V, Thị xã P T, tỉnh P T; Cùng trú tại: Số 63, A D V, tổ 41, cụm 6, phường P T, quận T H, Thành phố H N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần M A và A Trần Q Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/9/2017 tại Ủy ban nhân dân phường ThA V, thị xã P T, tỉnh P T, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

A, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quA điểm, lối sống. A, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị M A, A Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị M A, A Đ cùng xác nhận A chị có 01 con chung là Trần Bảo C, sinh ngày 20/02/2018. A chị thỏa thuận sau ly hôn giao con chung cho chị M A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. A Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng, từ tháng 12/2020 đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

A Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, nợ ở, công nợ chung: Chị M A, A Đ cùng xác nhận A chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị M A tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị M A đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0004221 ngày 06/11/2020 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận T H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quA hệ hôn nhân: Chị Trần M A và A Trần Q Đ thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị M A, A Đ có 01 con chung là Trần Bảo C, sinh ngày 20/02/2018.

Giao chị Trần M A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Bảo C. Ghi nhận sự tự nguyện của A Đ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng, từ tháng 12/2020 đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

A Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, nH ở, công nợ chung: Chị M A, A Đ cùng xác nhận A chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần M A tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị M A đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004221 ngày 06/11/2020 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận T H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T H;
- UBND phường ThA V, TX P T;
- (đăng ký kết hôn số 16, ngày 14/9/2017);
- Lưu H sơ.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Pc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngàythángnăm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁶⁾.....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quá hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được BA Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quA đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tHnh phố thuộc tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tHnh phố thuộc tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, tHnh phố H N); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (tHnh phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quA, tổ chức thì ghi tên cơ quA, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quA, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những N dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không tHnh. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].